

06 TXĐK
02 CK

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Kế toán doanh nghiệp sản xuất 1 - MH1104119

Mã lớp học phần: 24311MH110411901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		8,8	Tám, tám	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		7,5	Bảy, năm	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		9,0	Chín	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	C26KT		7,8	Bảy, tám	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		7,8	Bảy, tám	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		9,0	Chín	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		7,3	Bảy, ba	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		7,5	Bảy, năm	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		7,3	Bảy, ba	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		7,3	Bảy, ba	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	12/02/2006	C26KT		7,5	Bảy, năm	
13	2410110024	Đáy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		7,0	Bảy	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		7,0	Bảy	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		7,0	Bảy	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quỳnh	24/12/2006	C26KT		8,8	Tám, tám	
17	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	28/12/1994	C26KT		6,8	Sáu, tám	
18	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		8,5	Tám, năm	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		7,0	Bảy	
20	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT		7,8	Bảy, tám	L2
21	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		7,8	Bảy, tám	
22	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT		7,5	Bảy, năm	
23	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT		6,2	Sáu, hai	
24	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT		8,5	Tám, năm	
25	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		7,2	Bảy, hai	
26	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		7,8	Bảy, tám	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110003	Lê Duy	Trình	24/7/2005	C26KT	<i>duytrinh</i>	8,6	Tám, Sáu	
28	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>thminh</i>	7,8	Bảy, Tám	
29	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>bich</i>	8,6	Tám, Sáu	
30	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>uyentu</i>	7,7	Bảy, Bảy	
31	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>vi</i>	7,7	Bảy, Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 31 vắng thi: 0 . Số bài thi: 31 / 31 .

Ngày 14 tháng 6 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa
Trần Thị Hoa

Ngày 13 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Huyền
Trần Thị Huyền

TRƯ

17

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Kế toán doanh nghiệp sản xuất 1 - MH1104119

Mã lớp học phần: 24311MH110411901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		8,1	Tám, một	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		6,8	Sáu, tám	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		8,5	Tám, năm	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	C26KT		7,6	Bảy, sáu	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		7,4	Bảy, bốn	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		8,3	Tám, ba	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		7,0	Bảy	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		7,2	Bảy, hai	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		7,0	Bảy	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		6,8	Sáu, tám	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT		7,0	Bảy	
13	2410110024	Đáy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quyên	24/12/2006	C26KT		8,1	Tám, một	
17	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	28/12/1994	C26KT		6,0	Sáu	
18	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		8,0	Tám	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
20	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT		7,5	Bảy, năm	L2
21	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		7,5	Bảy, năm	
22	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT		7,0	Bảy	
23	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT		6,0	Sáu	
24	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT		8,0	Tám	
25	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		6,7	Sáu, bảy	
26	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		7,5	Bảy, năm	

STT	Mã SV	Họ và tên	Trình	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110003	Lê Duy	Trình	24/7/2005	C26KT	<i>duytrinh</i>	8,0	Tám	
28	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>hame</i>	7,8	Bảy, tám	
29	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Guyen</i>	8,0	Tám	
30	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyên</i>	7,3	Bảy, ba	
31	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>vi</i>	7,3	Bảy, ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 31 vắng thi: 0. Số bài thi: 31 / 31.

Ngày: 28 tháng 6 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa
Trần Thị Hoa

TRƯỚC

Ngày: 27 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Huyền
Trần Thị Huyền

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Kế toán doanh nghiệp sản xuất 1 - MH1104119

Mã lớp học phần: 24311MH110411901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110020	Đinh Thị Xuân	17/02/2005	C25KT1		7,0	Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 14 tháng 6 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Huyền

Ngày 13 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Kế toán doanh nghiệp sản xuất 1 - MH1104119

Mã lớp học phần: 24311MH110411901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110020	Đinh Thị Xuân Thư	17/02/2005	C25KT1		6,2	Sáu, hai	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 18 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Kế toán doanh nghiệp sản xuất 1 - MH1104119

Giám thị 1: Châu Lê Sơn

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110411901

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.8

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000		1	7,3	Bảy, ba	C26KT	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006		1	6,2	Sáu, hai	C26KT	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996		1	9,8	Chín, tám	C26KT	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001		1	9,3	Chín, ba	C26KT	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004		1	8,0	Tám	C26KT	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006		1	9,8	Chín, tám	C26KT	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006		1	4,0	Bốn	C26KT	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006		1	4,3	Bốn, ba	C26KT	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005		1	4,3	Bốn, ba	C26KT	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006		1	1,7	Một, bảy	C26KT	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006		1	1,0	Một	C26KT	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006		1	2,2	Hai, hai	C26KT	
13	2410110024	Đáy Minh	Như	13/07/2006		1	1,3	Một, ba	C26KT	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006		1	2,3	Hai, ba	C26KT	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006		1	4,3	Một, ba	C26KT	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quyên	24/12/2006		1	7,3	Bảy, ba	C26KT	
17	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	28/12/1994		✓	✓		C26KT	
18	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006		1	5,9	Năm, chín	C26KT	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006		1	2,7	Hai, bảy	C26KT	
20	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006		1	9,8	Chín, tám	C26KT	
21	2310110020	Đinh Thị Xuân	Thư	17/02/2005		1	3,0	Ba	C25KT1	
22	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006		1	6,0	Sáu	C26KT	
23	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006		1	9,5	Chín, năm	C26KT	
24	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003		1	0,5	Không, năm	C26KT	
25	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006		1	9,5	Chín, năm	C26KT	
26	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004		1	3,9	Ba, chín	C26KT	
27	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006		1	3,7	Ba, bảy	C26KT	
28	2410110003	Lê Duy	Trinh	24/7/2005		1	5,7	Năm, bảy	C26KT	
29	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006		1	4,1	Bốn, một	C26KT	
30	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006		1	6,8	Sáu, tám	C26KT	
31	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006		1	3,7	Ba, bảy	C26KT	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004	<i>CV</i>	1	1,5	Một, năm	C26KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 31 vắng thi: 1 Số bài thi/Số tờ: 31 / 31.

Số sinh viên đạt: 18 Tỷ lệ đạt: 58,1 %

Ngày: 29 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nam

Trần Phú Hòa

Ngày: 28 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mu

Trần Trí Duyên

Ti

B